

Số: /2025/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố và phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường cho các cấp ngân sách

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 94/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số 249/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố và phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường cho các cấp ngân sách.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chi tiết Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP); khoản 2 Điều 4 và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 31/2023/TT-BTC và Thông tư số 94/2024/TT-BTC) về một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố và phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách thành phố, ngân sách cấp xã.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí ngân sách thực hiện các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường.

Chương II

MỘT SỐ MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Điều 2. Một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
1	Lập nhiệm vụ, dự án		Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2023/TT-	

			BTC	
2	Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)	Buổi họp		<i>Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm</i>
-	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	500	
-	Thành viên, thư ký	Người/buổi	300	
-	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	500	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	300	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	500	<i>Trường hợp không thành lập Hội đồng</i>
4	Điều tra, khảo sát			
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500	
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
-	Cá nhân	Phiếu	50	
-	Tổ chức	Phiếu	100	
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài	

			(22 ngày)	
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:			
-	Nhiệm vụ	Báo cáo	5.000	
-	Dự án	Báo cáo	15.000	
6	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)			
-	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	700	
-	Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	Người/buổi	600	
-	Ủy viên, thư ký Hội đồng	Người/buổi	300	
-	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
-	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bài viết	500	
-	Bài nhận xét của Ủy viên Hội đồng (nếu có)	Bài viết	300	
-	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03)	Bài viết	400	
7	Hội thảo khoa học (nếu có)			

-	Người chủ trì	Người/buổi hội thảo	500	
-	Thư ký hội thảo	Người/buổi hội thảo	300	
-	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi hội thảo	150	
-	Báo cáo tham luận	Bài viết	350	
8	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ			
8.1	Nghiệm thu nhiệm vụ:			
-	Chủ tịch hội đồng	Người/buổi	400	
-	Thành viên, thư ký	Người/buổi	200	
8.2	Nghiệm thu dự án:			
-	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	700	
-	Thành viên, thư ký hội đồng	Người/buổi	400	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	bài viết	500	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	bài viết	400	
-	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
9	Chi giải thưởng môi trường			
-	Giải nhất			
+	Tổ chức	Tổ chức đạt giải	15.000	
+	Cá nhân	Người đạt giải	9.000	
-	Giải nhì			
+	Tổ chức	Tổ chức đạt giải	10.500	
+	Cá nhân	Người đạt giải	4.500	
-	Giải ba			
+	Tổ chức	Tổ chức đạt giải	7.500	
+	Cá nhân	Người đạt giải	3.000	
-	Giải khuyến khích			

+	Tổ chức	Tổ chức đạt giải	4.500	
+	Cá nhân	Người đạt giải	1.500	
-	Giải phụ khác	Tổ chức/người đạt giải	750	

Chương III

PHÂN ĐỊNH CỤ THỂ CÁC NHIỆM VỤ CHI VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHO CÁC CẤP NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Mục 1

CÁC NHIỆM VỤ CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

Điều 3. Các nhiệm vụ chi thường xuyên cho bảo vệ môi trường

1. Các nhiệm vụ chi từ nguồn chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:

Các hoạt động quy định điểm a và điểm b khoản 1; điểm a khoản 2 bao gồm điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, xử lý ô nhiễm môi trường; điểm b và điểm c khoản 2; điểm b (đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin được sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo pháp luật về công nghệ thông tin), điểm c và điểm d khoản 3; khoản 4; điểm a và điểm c (trừ điểm d và điểm g khoản 3, Điều 73 của Luật Đa dạng sinh học), các điểm d, đ, e và g khoản 5; điểm a khoản 7; điểm a và điểm b khoản 8 (đối ứng dự án vốn viện trợ thuộc nguồn sự nghiệp môi trường); các điểm a, b, c, d, đ, e, và i khoản 9 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP); bao gồm:

a) Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc trách nhiệm của thành phố.

b) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh trên địa bàn thành phố.

c) Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: Khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của thành phố; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của thành phố (bao gồm điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, xử lý ô nhiễm môi trường).

d) Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra thuộc trách nhiệm của thành phố, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về tài nguyên nước.

đ) Hoạt động điều tra, đánh giá đất đai; bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất thuộc trách nhiệm của thành phố, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về đất đai.

e) Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, biến đổi khí hậu; hạ tầng kỹ thuật quan trắc môi trường của địa phương; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của thành phố theo dự án đầu tư (đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin được sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo pháp luật về công nghệ thông tin).

g) Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của thành phố.

h) Hoạt động của hệ thống quan trắc môi trường theo quy hoạch thành phố (bao gồm cả vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định).

i) Kiểm tra, thanh tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ của thành phố và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

k) Điều tra, khảo sát, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; xác lập, thẩm định và công nhận di sản thiên nhiên thuộc nhiệm vụ của thành phố.

l) Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học (trừ lập, thẩm định quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học; quản lý khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học của nhà nước; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của thành phố.

m) Điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành, cấp lĩnh vực; cập nhật danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; theo dõi, giám sát, thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính các cơ sở trong phạm vi quản lý; xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thành phố.

n) Hoạt động phát triển thị trường các-bon trong nước.

o) Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến

đổi khí hậu thành phố; xây dựng báo cáo đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu thành phố.

p) Điều tra, thống kê, giám sát, đánh giá, lập danh mục chất làm suy giảm tầng ô - dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính thuộc nhiệm vụ của thành phố.

q) Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức và trao giải thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho cá nhân, tổ chức, cộng đồng theo quy định của pháp luật.

r) Phối hợp trong việc ký kết, thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên theo đề xuất của cơ quan trung ương có thẩm quyền; ký kết, thực hiện các thỏa thuận quốc tế về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn.

s) Vốn đối ứng chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, viện trợ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của pháp luật (đối ứng dự án vốn viện trợ thuộc nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường).

t) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

u) Đánh giá việc thực hiện phương án bảo vệ môi trường và bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong quy hoạch thành phố.

v) Đánh giá, dự báo chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ trên địa bàn thành phố; kiểm kê, đánh giá nguồn thải, mức độ ô nhiễm sông, hồ trên địa bàn; đánh giá, dự báo chất lượng môi trường không khí trên địa bàn thành phố; điều tra, đánh giá, xác định và khoanh vùng các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, khu vực ô nhiễm môi trường đất trên địa bàn thành phố.

x) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố. Hội thảo phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

y) Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường. Quản lý, công bố thông tin về môi trường; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (bao gồm cả thu nhận, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin, dữ liệu); cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thống kê, xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đánh giá, xếp hạng kết quả bảo vệ môi trường. Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến

đổi khí hậu được Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Các nhiệm vụ chi từ nguồn chi các hoạt động kinh tế:

Các hoạt động quy định tại điểm c (điểm d khoản 3, Điều 73 của Luật Đa dạng sinh học) khoản 5 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP): Quản lý khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học của Nhà nước.

3. Các nhiệm vụ chi từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo:

Các hoạt động quy định tại điểm c (điểm g khoản 3, Điều 73 của Luật Đa dạng sinh học) khoản 5 và điểm c khoản 7 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP), bao gồm:

a) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về đa dạng sinh học.

b) Giáo dục, đào tạo về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc trách nhiệm của thành phố.

4. Các nhiệm vụ chi từ nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:

Các hoạt động quy định tại khoản 6 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP): Nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao, ứng dụng công nghệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô - dôn thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, pháp luật về chuyển giao công nghệ.

5. Các nhiệm vụ chi từ nguồn chi quản lý hành chính:

Các hoạt động quy định tại điểm b khoản 7 và điểm k khoản 9 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP), bao gồm:

a) Đánh giá, tổng kết và theo dõi thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều phối, Tổ công tác liên ngành, các Ủy ban, các Hội đồng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được Ủy ban nhân dân thành phố thành lập; tổ chức các hội nghị về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố và các nhiệm vụ khác có tính chất quản lý hành chính phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Điều 4. Các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển cho bảo vệ môi trường

Các hoạt động quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 (theo dự án đầu tư), điểm a và điểm b khoản 3 (đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin

được sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển theo pháp luật về công nghệ thông tin), điểm b và điểm h khoản 5, điểm b khoản 8 (đối ứng dự án vốn viện trợ thuộc nguồn đầu tư), điểm l khoản 9 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP); khoản 1 Điều 25 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP; bao gồm:

1. Xây dựng, hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải khu vực công cộng; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, chất thải.

2. Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: Khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của thành phố; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của thành phố (theo dự án đầu tư).

3. Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra thuộc trách nhiệm của thành phố, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về tài nguyên nước (theo dự án đầu tư).

4. Hoạt động điều tra, đánh giá đất đai; bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất thuộc trách nhiệm của thành phố, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về đất đai (theo dự án đầu tư).

5. Các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ, trạm trung chuyển, khu tập kết, hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý chất thải rắn tập trung, chất thải nguy hại, hệ thống xử lý nước thải, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố; hệ thống các công trình, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố; đầu tư công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do thành phố quản lý. Đối với các dự án thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quản lý thì kinh phí thực hiện do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chi trả, ngân sách nhà nước không hỗ trợ.

6. Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, biến đổi khí hậu; hạ tầng kỹ thuật quan trắc môi trường của thành phố; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của thành phố theo dự án đầu tư (đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin được sử dụng kinh phí đầu tư phát triển theo pháp luật về công nghệ thông tin).

7. Đầu tư bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định

tại khoản 2 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học thuộc trách nhiệm của thành phố.

8. Đầu tư dự án phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo tồn đa dạng sinh học; đầu tư dự án chuyển đổi công nghệ loại trừ, giảm thiểu sử dụng các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thuộc nhiệm vụ của thành phố.

9. Vốn đối ứng chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, viện trợ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của pháp luật (đối ứng dự án vốn viện trợ thuộc nguồn đầu tư).

10. Cấp vốn điều lệ, bổ sung vốn điều lệ cho quỹ bảo vệ môi trường thành phố.

11. Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng bảo vệ môi trường cụm công nghiệp trong trường hợp không có chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 52 luật Bảo vệ môi trường.

Mục 2

CÁC NHIỆM VỤ CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NGÂN SÁCH CẤP XÃ

Điều 5. Các nhiệm vụ chi thường xuyên cho bảo vệ môi trường

1. Các nhiệm vụ chi từ nguồn chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:

a) Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc trách nhiệm cấp xã.

b) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh trên địa bàn cấp xã.

c) Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường do cấp xã quản lý.

d) Kiểm tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ của cấp xã và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

đ) Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học trên địa bàn cấp xã.

e) Truyền thông nâng cao nhận thức, ý thức về bảo vệ môi trường trong cộng đồng trên địa bàn cấp xã.

g) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp xã. Hội thảo phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

h) Hoạt động khảo sát, đánh giá hiện trạng môi trường và chỉ đạo tổ chức

thực hiện kế hoạch phục hồi môi trường cấp xã theo quy định; chỉ đạo tổ chức thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố chất thải trên địa bàn theo quy định.

i) Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường.

k) Quản lý, công bố thông tin về môi trường; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (bao gồm cả thu nhận, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin, dữ liệu); cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thống kê, xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đánh giá, xếp hạng kết quả bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp xã.

l) Xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn cấp xã.

m) Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Các nhiệm vụ chi từ nguồn chi quản lý hành chính:

a) Đánh giá, tổng kết và theo dõi thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn cấp xã.

b) Hoạt động của Ban chỉ đạo, tổ chức các hội nghị về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ khác có tính chất quản lý hành chính phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Điều 6. Các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển cho bảo vệ môi trường

1. Xây dựng, hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải khu vực nông thôn; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ khu vực nông thôn.

2. Đầu tư, nâng cấp hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, thu gom và xử lý chất thải rắn khu vực nông thôn.

3. Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của cấp xã.

4. Xây dựng, sửa chữa, cải tạo hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề.

5. Xử lý ô nhiễm nước mặt kênh, rạch trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của cấp xã (theo dự án đầu tư).

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu của Hội đồng nhân dân thành phố và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản khác thì áp dụng văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khoá XVI, kỳ họp thứ 31 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (Quốc hội);
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: NN&MT, Tài chính;
- Cục KTVB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ NN&MT);
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực VI;
- TT TU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Các Đại biểu HĐND TP khoá XVI;
- Các VP: TU, ĐDBQH&HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- TTĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH HP, Công báo TP; Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu